Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
TỔ CÔNG TÁC CỦA TTgCP

Số: 151/BC-TCTTTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2020

HỎA TỐC

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ giao và kết quả hoạt động của Tổ công tác tháng 02 năm 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

1. Tình hình

- Về thực hiện nhiệm vụ giao: Từ 01/01/2019 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 11.836 nhiệm vụ. Trong đó, có 6.892 nhiệm vụ đã hoàn thành, 4626 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn, 318 *nhiệm vụ chưa hoàn thành quá hạn (chiếm 2,6%, tăng 0,7% so với tháng trước) - Phụ lục I.*

- Về thực hiện Chương trình công tác: 02 tháng đầu năm, có 69 đề án phải trình. Hiện, hiện đã trình 45/69 đề án, *còn 24 đề án chưa trình, chiếm 34,7%,* thuộc trách nhiệm của các Bộ: Công an: 06; Tài chính: 03; Nội vụ: 03; Lao động - Thương binh vã Xã hội: 02; Công Thương: 02; Kế hoạch và Đầu tư: 01; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 01; Y tế: 01; Giáo dục và Đào tạo: 01; Quốc phòng: 01; Đài truyền hình Việt Nam: 01; Đài tiếng nói Việt Nam: 01; Thông tấn xã Việt Nam: 01.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trực tiếp chỉ đạo thực hiện Chương trình công tác bảo đảm chất lượng và tiến độ. Các Bộ nợ đọng nhiều phải có báo cáo giải trình với Thủ tướng hàng tháng; khẩn trương đẩy nhanh tiến độ xây dựng các đề án nợ đọng, bảo đảm trình trước 10/3/2020; đồng thời bảo đảm tiến độ trình các đề án theo chương trình công tác tháng 3 (63 đề án), không để nợ đọng tiếp theo.

- Giao Tổ công tác tiếp tục đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện chương trình công tác và trực tiếp làm việc với các Bộ nợ đọng nhiều đề án và chậm triển khai các nhiệm vụ giao.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CÔNG TÁC

Trong tháng 2, Tổ công tác đã có 03 buổi làm việc với: (1) 12 bộ, cơ quan về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết (Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Chính phủ); (2) 13 bộ, cơ quan về tình hình xây dựng Chính phủ điện tử và cải cách thủ tục hành chính (Công an, Quốc phòng, Công Thương, Tài chính, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam); (3) Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và 13 Tập đoàn, Tổng công ty để đôn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ

giao và nắm bắt những khó khăn, vướng mắc mà các Tập đoàn, Tổng công ty đang gặp phải. Tổ công tác xin báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả làm việc như sau:

1. Kết quả làm việc về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

a) Tình hình:

Thực hiện yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, trong thời gian qua các bộ, cơ quan đã nỗ lực, chủ động, tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và đạt được một số kết quả nhất định: Năm 2017 đã ban hành 191 văn bản, là năm đầu tiên không nợ văn bản quy chi tiết thuộc thẩm quyền Chính phủ; năm 2018 đã ban hành 209/213, nợ 4 văn bản; năm 2019 đã ban hành 40/56 văn bản (phát sinh số nợ lớn hơn do tính phức tạp của văn bản, phải chuyển sang năm 2020).

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, tình hình nợ đọng văn bản quy định chi tiết chưa được xử lý dứt điểm. Cụ thể:

- Hiện, còn 19 văn bản đang nợ đọng, chưa được ban hành, gây khó khăn, lúng túng trong việc thi hành Luật, pháp lệnh, thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan: Công an (13); Kế hoạch và Đầu tư (02); Công Thương (02); Tư pháp (01); Thanh tra Chính phủ (01) – *Phụ lục II.*

- Ngoài ra, các Bộ, cơ quan có 58 văn bản quy định chi tiết phải được ban hành trước 15 tháng 5 n ăm 2020 để bảo đảm có hiệu lực từ 01/7/2020cùng với các luật, pháp lệnh, thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan: *Công an: 10* (04 Nghị định, 06 Thông tư); *Tài chính: 14* (06 Nghị định, 08 Thông tư); *Quốc phòng: 15* (07 Nghị định, 08 Thông tư); *Nội vụ: 07*; *Giáo dục và Đào tạo: 05*; *Xây dựng: 03* (01 Nghị định, 02 Thông tư); *Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 04* (01 Nghị định, 03 Thông tư) - *Phụ lục III.*

Ngay sau buổi làm việc với các bộ, cơ quan (ngày 06/02/2020), Tổ công tác đã có báo cáo, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 228/TTg-PL ngày 13 tháng 02 năm 2020 chỉ đạo, yêu cầu cụ thể đối với các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

b) Kiến nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 228/TTg-PL; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo tiến độ xây dựng, trình văn bản quy định chi tiết; chịu trách nhiệm giải trình trước Quốc hội, trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nếu để chậm tiến độ. Tiến độ và chất lượng các dự án luật và văn bản quy định chi tiết là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là tiêu chuẩn xét các danh hiệu thi đua khen thưởng năm 2020 đối với người đứng đầu Bộ, cơ quan và cá nhân liên quan. Từng bộ, cơ quan quán triệt nghiêm túc để thực hiện.

+ Đối với 19 văn bản quy định chi tiết nợ đọng: Các bộ, cơ quan phải hoàn thiện, trình Chính phủ ngay sau phiên họp này để hoàn thiện ban hành trước 15 tháng

4 năm 2020. Riêng đối với một số văn bản có tính chất phức tạp, thuộc trách nhiệm trình của Bộ Công an phải hoàn thiện, trình trước 15 tháng 3 năm 2020; các Thông tư phải ban hành trước 15 tháng 3 năm 2020.

+ Đối với 58 văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh có hiệu lực từ 01/7/2020: 31 Nghị định, các bộ, cơ quan phải trình Chính phủ trước 15 tháng 4 năm 2020 để bảo đảm ban hành trước 15 tháng 5 năm 2020; 27 Thông tư, các bộ, cơ quan phải ban hành theo thẩm quyền trước 15 tháng 5 năm 2020.

- Bộ Tư pháp: Chủ động tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc soạn thảo, trình các văn bản quy định chi tiết của các Bộ, cơ quan. Rà soát, đề xuất Thủ tướng phân công các Bộ chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết ngay khi các Luật, Pháp lệnh được thông qua. Trong đó lồng ghép nhiều nội dung trong 1 văn bản, giảm thiểu tối đã việc ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết một luật.

2. Kết quả làm việc về tình hình xây dựng CPĐT

a) Tình hình:

- Cơ bản các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ đã được các bộ, cơ quan hoàn thành việc triển khai. Tuy nhiên, có một số nhiệm vụ đã quá hạn, chưa hoàn thành (*Thông tin và Truyền thông: 9; Công an: 1; Lao động-Thương binh và Xã hội: 02; Tài chính: 01).*

- Số lượng văn bản điện tử (VBĐT) có ký số và tỉ lệ số lượng VBĐT có ký số/tổng số VBĐT, được gửi, nhận tại một số bộ đạt tỷ lệ cao *(Công Thương, Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*; các bộ, cơ quan xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng đạt 80%, trong đó có nhiều bộ đạt trước thời hạn *(Giáo dục và Đào tạo: 100%; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 100%; Thông tin và Truyền thông: 98.9%)*.

- Các bộ, ngành đã triển khai hầu hết các DVCTT mức độ 3, 4 theo Danh mục. Tuy nhiên, còn một số bộ, ngành chưa hoàn thành *(Y tế: 16 DVCTT mức độ 4; Thông tin và Truyền thông: 07 DVCTT mức độ 3; Giáo dục và Đào tạo: 05 DVCTT mức độ 4; Tài chính: 04 DVCTT mức 4).*

- Việc thực hiện chế độ báo cáo theo Quyết định số 451/QĐ-TTg của một số bộ, ngành còn chậm, chưa đáp ứng quy định như: chưa ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo *(Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội)* hoặc đã ban hành nhưng chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu *(Tài chính, Y tế)*; hầu hết các bộ, cơ quan mới đang triển khai xây dựng hệ thống thông tin báo cáo.

b) Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo:

- Các bộ, cơ quan khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ xem xét, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử, trình trước 30 tháng 4 năm 2020 để hoàn thiện thủ tục, bảo đảm ban hành trong tháng 6/2020, như *Nghị định thay thế Nghị định số 110/2004/NĐ-CP; Nghị định*

về kết nối, chia sẻ; Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghị định về xác thực, định danh điện tử; Nghị định về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Các bộ, ngành, địa phương:

+ Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, trực tiếp chỉ đạo, huy động, ưu tiên nguồn lực triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử; gương mẫu, đi đầu trong việc sử dụng chữ ký số cá nhân, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và chịu trách nhiệm về tiến độ triển khai, chất lượng công việc;

+ Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 8363/VPCP-KSTT ngày 17/9/2019 và văn bản số 11796/VPCP-KSTT ngày 26/12/2019 về việc tăng cường xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng;

+ Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ thực hiện việc liên thông, kết nối các phần mềm quản lý văn bản và điều hành để đảm bảo 100% văn bản điện tử gửi nhận ở cả 4 cấp chính quyền, xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng bảo đảm đạt tỷ lệ tối thiểu theo mục tiêu và thời hạn theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2020;

+ Đề cao việc chuẩn hóa chế độ báo cáo của bộ, địa phương; phải coi đây là công việc trọng tâm trong việc triển khai Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Bộ, ngành, địa phương chỉ triển khai xây dựng phần mềm hệ thống báo cáo bộ, địa phương khi đã thực hiện xong việc chuẩn hóa quy trình, nghiệp vụ báo cáo.

Đối với các bộ, cơ quan được lựa chọn triển khai thí điểm khẩn trương đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm hoàn thành kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ trong tháng 3/2020;

+ Tập trung hoàn thiện Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; thực hiện các giải pháp tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục, xây dựng, kết nối, tích hợp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch.

3. Kết quả làm việc tại Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tình hình:

- Sau hơn 1 năm thành lập, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban) đã nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 131/2018/NĐ-CP, Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: đã hoàn thành 157/185 nhiệm vụ giao, còn 26 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn, chỉ có 02 nhiệm vụ quá hạn; đã tiếp nhận và thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 19 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; tích cực xử lý 259 công việc dở dang tiếp nhận từ các Bộ (trong đó có nhiều việc phức tạp, nhiều vướng mắc, khó khăn, tồn đọng qua nhiều năm); nhiều Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đã chuyển đại diện chủ sở hữu về Ủy ban đã nỗ lực vượt khó, sản xuất kinh doanh

có lãi, đóng góp vào sự phát triển của kinh tế đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, Ủy ban còn một số tồn tại, vướng mắc, như: Giữa Ủy ban và một số bộ chưa phối hợp chặt chẽ để giải quyết dứt điểm một số tồn đọng của doanh nghiệp trước khi chuyển về Ủy ban; việc áp dụng các quy định về thẩm quyền, nội dung phê duyệt giữa Ủy ban và các cơ quan liên còn có cách hiểu khác nhau nhưng Ủy ban chưa quyết liệt tham mưu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để để tháo gỡ, giải quyết kịp thời, triệt để.

- Tại buổi làm việc, Tổ công tác đã tổng hợp được 95 kiến nghị của các Tập đoàn, Tổng công ty. Trong đó, có 69 kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan; 26 kiến nghị đối với Ủy ban.

+ Đối với 69 kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng, các bộ, cơ quan, Tổ công tác sẽ chuyển đến các bộ, cơ quan xử lý, giải quyết theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền đề nghị báo cáo, đề xuất cụ thể với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng giải quyết, xử lý. Văn phòng Chính phủ sẽ phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan trong quá trình xử lý các kiến nghị này;

+ Đối với 26 kiến nghị liên quan đến thẩm quyền giải quyết của Ủy ban, Ủy ban cam kết sẽ xử lý, giải quyết và trả lời cụ thể với các Tập đoàn, Tổng công ty.

b) Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo:

- Ủy ban Quản lý vốn:

+ Đồng hành tích cực hơn nữa với doanh nghiệp; khẩn trương làm việc với từng Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty thuộc Ủy ban và tổ chức Hội nghị chuyên đề để phát hiện, nắm bắt đầy đủ những vướng mắc, khó khăn và phân loại cụ thể từng khó khăn, vướng mắc. Vướng mắc thuộc thẩm quyền của Ủy ban thì phải giải quyết, xử lý ngay, không gây cản trở đến hoạt động của doanh nghiệp; vướng mắc thuộc thẩm quyền của các bộ thì có văn bản đề nghị bộ, cơ quan giải quyết kịp thời; vướng mắc thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khẩn trương báo cáo, tham mưu, đề xuất cụ thể.

+ Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra quá trình hoạt động kinh doanh và quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn và quản lý, sử dụng vốn nhà nước, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản nhà nước theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 262/TB-VPCP ngày 27/7/2019

- Các Bộ, cơ quan liên quan:

+ Chủ động vào cuộc hơn nữa và phối hợp chặt chẽ với Ủy ban tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc mà các Tập đoàn, Tổng công đang gặp phải; tạo điều kiện cho Ủy ban, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 262/TB-VPCP ngày 27/7/2019;

+ Các Bộ có doanh nghiệp chuyển giao đại diện chủ sở hữu về Ủy ban khẩn trương phối hợp tích cực với Ủy ban để giải quyết dứt điểm các nhiệm vụ còn tồn đọng của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của các Bộ giai đoạn trước khi Ủy ban được thành lập (trước khi chuyển đại diện chủ sở hữu về Ủy ban) theo đúng

chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành dự thảo Nghị quyết về tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động đầu tư của các Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban, trình Chính phủ trong tháng 3 năm 2020;

+ Khẩn trương nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3 năm 2020.

- Bộ Nội vụ khẩn trương báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ về cơ chế đặc thù về tuyển dụng kiểm sát viên nhà nước cho Ủy ban (Ủy ban đã có văn bản số 427/UBQLV-TCCB, ngày 17 tháng 4 năm 2019 gửi Bộ Nội vụ).

- Giao Tổ công tác:

+ Tiếp tục làm việc với các bộ, cơ quan liên quan, Tập đoàn, Tổng công ty đã chuyển đại diện chủ sở hữu về Ủy ban để nắm bắt cụ thể những khó khăn, vướng mắc, những bất cập, tồn tại đang ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, báo cáo, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng giải quyết, xử lý;

+ Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước chưa chuyển đại diện chủ sở hữu về Ủy ban, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các thành viên Chính phủ;
- Các thành viên Tổ công tác;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Cổng TTĐTCP;
- Lưu: VT, TCTTTg (3b).L 15

TỔ TRƯỞNG

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
Mai Tiến Dũng

Phụ lục I

Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 151/BC-TCTTTg ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tổ công tác)

(Từ 01/01/2019 - 29/02/2020)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Bộ Công an	146	236	43	25	143	25
2	Bộ Quốc phòng	95	151	28	33	76	14
3	Văn phòng Chính phủ	54	102	100	0	2	0
4	Bộ Ngoại giao	67	109	53	0	47	9
5	Bộ Nội vụ	154	233	124	57	52	0
6	Bộ Tư pháp	105	162	136	2	24	0
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	460	678	232	250	189	7
8	Bộ Tài chính	342	493	136	134	216	7
9	Bộ Công Thương	292	421	169	49	202	1
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	198	287	235	27	25	0
11	Bộ Giao thông vận tải	331	465	206	89	169	1
12	Bộ Xây dựng	179	234	145	34	55	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	291	404	223	61	120	0
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	121	218	52	49	111	2
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	131	212	115	14	83	0
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	92	137	98	16	20	3
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	106	157	17	57	83	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	143	195	69	21	105	0
19	Bộ Y tế	94	149	46	26	75	2

20	Ủy ban Dân tộc	54	99	37	7	55	0
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	96	142	138	0	4	0
22	Thanh tra Chính phủ	123	169	41	52	58	18
23	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	12	20	10	2	4	4
24	Đài Tiếng nói Việt Nam	8	8	0	0	5	3
25	Đài Truyền hình Việt Nam	11	11	0	0	6	5
26	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	1	1	0	0	1	0
27	Thông tấn xã Việt Nam	8	8	0	0	5	3
28	UBND Thành phố Hà Nội	118	166	63	49	49	5
29	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	108	154	90	42	19	3
30	UBND Thành phố Hải Phòng	60	100	77	0	23	0
31	UBND Thành phố Đà Nẵng	57	98	7	1	67	23
32	UBND Thành phố Cần Thơ	57	98	77	1	20	0
33	UBND Cao Bằng	52	92	24	2	59	7
34	UBND Lạng Sơn	52	92	79	5	8	0
35	UBND Lai Châu	50	90	34	12	44	0
36	UBND Điện Biên	51	91	42	10	33	6
37	UBND Hà Giang	51	90	19	12	57	2
38	UBND Sơn La	51	91	61	7	23	0
39	UBND Tuyên Quang	50	90	55	0	35	0
40	UBND Yên Bái	51	90	72	8	10	0
41	UBND Lào Cai	54	94	9	4	68	13
42	UBND Bắc Kạn	51	91	31	7	48	5
43	UBND Thái Nguyên	51	90	64	0	26	0
44	UBND Phú Thọ	51	91	41	11	36	3
45	UBND Vĩnh Phúc	49	89	55	1	28	5
46	UBND Bắc Giang	52	92	24	0	68	0
47	UBND Bắc Ninh	49	89	44	0	45	0
48	UBND Hòa Bình	49	89	62	0	27	0
49	UBND Quảng Ninh	61	103	97	0	6	0
50	UBND Hải Dương	53	95	12	10	72	1

51	UBND Hưng Yên	46	85	59	3	23	0
52	UBND Thái Bình	50	90	45	1	39	5
53	UBND Hà Nam	53	93	24	5	64	0
54	UBND Nam Định	54	95	55	1	37	2
55	UBND Ninh Bình	50	91	18	6	67	0
56	UBND Thanh Hóa	60	102	46	3	53	0
57	UBND Nghệ An	54	96	6	15	68	7
58	UBND Hà Tĩnh	53	95	6	6	72	11
59	UBND Quảng Bình	57	98	85	0	13	0
60	UBND Quảng Trị	55	97	18	6	70	3
61	UBND Thừa Thiên Huế	60	109	67	1	39	2
62	UBND Quảng Nam	65	106	56	4	43	3
63	UBND Quảng Ngãi	52	93	66	2	25	0
64	UBND Bình Định	53	93	86	0	7	0
65	UBND Phú Yên	55	95	71	7	17	0
66	UBND Khánh Hòa	57	98	20	2	75	1
67	UBND Ninh Thuận	55	98	67	0	31	0
68	UBND Bình Thuận	54	96	46	1	49	0
69	UBND Gia Lai	55	96	24	1	71	0
70	UBND Kon Tum	54	97	61	6	29	1
71	UBND Đắk Lắk	53	93	52	7	33	1
72	UBND Đắk Nông	53	93	33	2	58	0
73	UBND Lâm Đồng	58	98	71	4	21	2
74	UBND Đồng Nai	59	100	5	17	74	4
75	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	51	91	39	9	34	9
76	UBND Long An	67	109	21	5	76	7
77	UBND Tây Ninh	52	94	11	12	71	0
78	UBND Bình Dương	53	94	92	0	2	0
79	UBND Bình Phước	53	93	0	0	71	22
80	UBND Tiền Giang	67	111	70	8	31	2
81	UBND Bến Tre	54	95	70	5	18	2

82	UBND Hậu Giang	56	99	33	9	50	7
83	UBND Sóc Trăng	55	96	54	5	35	2
84	UBND Đồng Tháp	57	100	34	0	66	0
85	UBND Vĩnh Long	50	91	91	0	0	0
86	UBND Trà Vinh	60	103	87	4	12	0
87	UBND An Giang	59	101	38	6	57	0
88	UBND Kiên Giang	62	109	58	22	27	2
89	UBND Bạc Liêu	54	94	39	9	40	6
90	UBND Cà Mau	57	106	45	5	55	1
91	HĐND Quảng Ninh	1	1	0	0	1	0
92	HĐND Quảng Bình	1	1	0	0	1	0
93	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	2	3	0	0	3	0
94	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	1	2	0	0	2	0
95	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	3	3	0	0	2	1
96	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4	4	0	0	3	1
97	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	14	16	0	0	14	2
98	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1	1	0	0	1	0
99	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	1	1	0	0	1	0
100	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1	1	0	0	1	0
101	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	3	4	0	0	2	2
102	Ngân hàng Chính sách xã hội	3	4	0	0	1	3
103	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	2	2	0	0	0	2
104	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	3	3	0	0	2	1
105	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	6	9	0	0	5	4
106	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	1	2	0	0	2	0
107	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	3	5	0	0	4	1
108	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1	0	0	1	0
109	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	1	1	0	0	1	0
110	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	1	2	0	0	2	0
111	Tòa án nhân dân tối cao	6	6	0	0	4	2
112	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	2	2	0	0	1	1

113	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	8	12	0	0	7	5
114	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	3	3	0	0	2	1
115	Đại học Quốc gia Hà Nội	8	8	0	0	3	5
116	Kiểm toán Nhà nước	1	1	0	0	1	0
117	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	0	2
118	Báo Nhân dân	1	1	0	0	1	0
119	Ban Tôn giáo Chính phủ	1	2	0	0	2	0
120	Hội Nhà báo Việt Nam	1	1	0	0	1	0
121	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	53	71	45	0	26	2
122	Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội	1	1	0	0	0	1
123	Uỷ ban Giám sát tài chính Quốc gia	1	1	0	0	0	1
	Tổng số		**11836**	**5506**	**1386**	**4626**	**318**

Thời điểm xuất báo cáo 01/03/2020 10:36:27

Phụ lục II

DANH MỤC NỢ ĐỌNG VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT, PHÁP LỆNH ĐÃ CÓ HIỆU LỰC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 151/BC-TCTTTg ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tổ công tác)

TT	Tên luật	Ngày có hiệu lực	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Tình trạng hiện nay
1.	Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)	01/01/2020	Nghị định quy định chi tiết thủ tục thi hành án đối với pháp nhân thương mại và chuyển giao nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp pháp nhân thương mại tổ chức lại (khoản 4 Điều 160, khoản 6 Điều 164, Điều 165)	Bộ Công an	Bộ chưa trình
2.			Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự (Điều 17, 31, 33, 34, 35, 43, 44, 47, 48, 49, 51, 55, 74, 75, 149 và 151)	Bộ Công an	Bộ chưa trình
3.			nghị định quy định chi tiết về tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân (điều 45)	Bộ Công an	Bộ chưa trình
4.			Nghị định quy định chi tiết về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại (khoản 3 Điều 163)	Bộ Công an	BCA đã trình lần 1 nhưng hồ sơ thiếu một số cơ quan liên quan. VPCP đã chuyển lại BCA để bổ sung
5.			Nghị định quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự (Điều 173)	Bộ Công an	Bộ chưa trình
6.			Nghị định quy định chi tiết chế độ ăn, ở, sinh hoạt, thăm gặp, khám bệnh, chữa bệnh đối với người chấp hành án phạt trục xuất trong thời gian lưu trú tại cơ sở lưu trú, chi phí mai táng đối với người chấp hành án phạt trục xuất chết tại cơ sở lưu	Bộ Công an	Bộ chưa trình

7.			Nghị định quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc (Điều 82)	Bộ Công an	Bộ chưa trình
8.			Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Y tế, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn tổ chức thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc (Điều 82)	Bộ Công an	Đang soạn thảo Đang gửi xin ý kiến lần cuối các bộ, ngành trước khi thẩm định.
9.	Luật Đầu tư công (sửa đổi)	01/01/2020	Nghị định thay thế Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ đã trình CV số 183/BC-BKHĐT ngày 9/1/2020. PTTg yêu cầu họp với các cơ quan
10.			Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (khoản 6 Điều 5, khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 28, Điều 32, khoản 3 Điều 34, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 40, khoản 6 Điều 43, khoản 2 Điều 45, khoản 5 Điều 59, khoản 2 Điều 65, k	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đã trình, PTTg đã chủ trì họp và yêu cầu Bộ trình lại 31/1/2020. Nay Bộ chưa trình lại
11.	Luật Công an nhân dân	01/07/2019	Nghị định về phát triển công nghiệp an ninh (khoản 4 Điều 34)	Bộ Công an	BCA đã trình lần 1. PTTg Trương Hòa Bình đã họp với các bộ ngành liên quan và giao BCA chỉnh sửa, trình lại
12.			Nghị định quy định việc biệt phái sĩ quan Công an nhân dân (khoản 4 Điều 29)	Bộ Công an	Đã tiếp thu ý kiến TVCP. Bộ đã tiếp thu ý kiến Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình và trình lại, VPCP đang xử lý theo quy định
13.			Nghị định quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy (khoản 2 Điều 17)	Bộ Công an	Bộ đã trình, đang chờ Phó Thủ tướng họp trước khi lấy ý kiến TVCP.
14.	Luật Cạnh tranh (sửa đổi)	01/07/2019	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh Quốc gia (khoản 3 Điều 46)	Bộ Công Thương	Ngày 2/1/2020 BCT có CV số 10/BCT-CT báo cáo Thủ tướng. VPCP đang trình TTgCP.

15.			Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh (sửa đổi) (khoản 2 Điều 9; khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 33; khoản 3 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 4 Điều 58)	Bộ Công Thương	Đã trình, ngày 31/1/2020 PTTg Trịnh Đình Dũng đề nghị họp trước khi báo cáo TTg. VPCP đang bố trí lịch họp.
16.	Luật Phòng, chống tham nhũng	01/07/2019	Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập. (khoản 3 Điều 31; khoản 2 Điều 35; khoản 6 Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 4 Điều 54)	Thanh tra Chính phủ	Ngày 03/2/2020, VPCP có văn bản số 743/VPCP-V.I thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng yêu cầu Thanh tra Chính phủ khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định
17.	Luật An ninh mạng	01/01/2019	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia (khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 43)	Bộ Công an	Ngày 22/01/2020, Thủ tướng đã chỉ đạo Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiến hành đánh giá các hệ thống thông tin trọng yếu, xây dựng hồ sơ, thủ tục sớm trình Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
18.			Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật An ninh mạng (khoản 4 Điều 10; khoản 5 Điều 12; khoản 1 Điều 23; khoản 7 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 36)	Bộ Công an	Ngày 22/01/2020, Thủ tướng đã chỉ đạo Bộ Công an tiếp tục tham khảo thông lệ quốc tế, kinh nghiệm của các nước để xây dựng dự thảo Nghị định
19.	Luật hộ tịch.	01/01/2016	Nghị định quy định về việc quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; thủ tục đăng ký hộ tịch trực tuyến	Bộ Tư pháp	Ngày 25/12/2019, Bộ Tư pháp đã trình dự thảo Nghị định

Phụ lục III

DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT SẼ CÓ HIỆU LỰC TỪ 1/7/2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 151/BC-TCTTTg ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tổ công tác)

TT	TÊN LUẬT	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO	TÊN VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT
1.	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước	01/7/2020	BCA	1. Thông tư ban hành các biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (điểm g khoản 2 Điều 24)
			BCA	2. Thông tư quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong lực lượng công an nhân dân (khoản 4 Điều 11; khoản 2 Điều 15; điểm d khoản 3 Điều 23)
2.	Luật Kiến trúc (Thông qua Kỳ họp thứ 7 QH14)	01/7/2020	BXD	3. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc (khoản 5 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 1 Điều 15, khoản 8 Điều 17, khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 29, khoản 4 Điều 30, khoản 3 Điều 31)
			BXD	4. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về hồ sơ thiết kế kiến trúc (khoản 5 Điều 12)
			BXD	5. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc (khoản 3 Điều 27)
3.	Luật Giáo dục (sửa đổi) Thông qua kỳ họp thứ 7 QH14	01/7/2020	BGDĐT	6. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (khoản 3 Điều 47; khoản 5 Điều 70; Điều 79; khoản 1 Điều 85; Điều 86)
			BGDĐT	7. Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (khoản 2 Điều 72)
			BGDĐT	8. Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm (khoản 4,5 Điều 85)

			BGDĐT	**9.** Nghị định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 81)
			BGDĐT	**10.** Nghị định quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập (điểm a khoản 2 Điều 60)
4.	**Luật Quản lý thuế (sửa đổi) (Thông qua kỳ họp thứ 7 QH14)**	**01/7/2020**	**BTC**	**11.** Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (khoản 27 Điều 3, khoản 5 Điều 5, khoản 8 Điều 19, khoản 10 Điều 19, khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 42, khoản 8 Điều 43, khoản 5 Điều 44, khoản 4 Điều 45, khoản 5 Điều 50, khoản 3 Điều 52, Điều 63, khoản 3 Điều 66, khoản 2g Điều 73, khoản 2a Điều 81, khoản 1 Điều 84, Điều 85, khoản 2 Điều 94, khoản 5 Điều 98, khoản 2 Điều 100, khoản 5 Điều 129, khoản 4 Điều 130, khoản 3 Điều 131, khoản 2 Điều 132, khoản 5 Điều 133, khoản 4 Điều 134, khoản 3 Điều 135)
			BTC	**12.** Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (Khoản 4 Điều 151)
			BTC	**13.** Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2019 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (khoản 5 Điều 89, khoản 5 Điều 90, khoản 3 Điều 92)
			BTC	**14.** Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn (khoản 4 Điều 138, khoản 3 Điều 139, khoản 3 Điều 140, khoản 3 Điều 141, Điều 146)
			BTC	**15.** Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (khoản 4 Điều 138, khoản 3 Điều 139, khoản 3 Điều 140, khoản 3 Điều 141)
			BTC	**16.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế (khoản 3 Điều 7, khoản 8 Điều 8, khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 42, khoản 3 Điều 42, khoản 4 Điều 42, khoản 5 Điều 59, khoản 5 Điều 60, khoản 3 Điều 64, khoản 4 Điều 72, khoản 4 Điều 73, khoản 4 Điều 76, khoản 4 Điều 80, khoản 3 Điều 86, khoản 2 Điều 107, khoản 5 Điều 124)

			BTC	**17.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế (khoản 1b Điều 30, khoản 2c Điều 30, khoản 1 Điều 41 (Điều 31, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 40))
			BTC	**18.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế trong quản lý thuế (APA) (điểm c khoản 6 Điều 42)
			BTC	**19.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (khoản 4 Điều 51)
			BTC	**20.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (khoản 8 Điều 8)
			BTC	**21.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý rủi ro trong quản lý thuế (khoản 6 Điều 9)
			BTC	**22.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về tem điện tử (khoản 4 Điều 96)
			BTC	**23.** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về dịch vụ làm thủ tục về thuế (đại lý thuế) (khoản 3 Điều 104, khoản 5 Điều 105)
5.	**Luật Thư viện (Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**	**01/07/2020**	**BVHTTDL**	**24.** Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện (khoản 4 Điều 5; khoản 4 Điều 6; khoản 2 Điều 18; khoản 5 Điều 22; khoản 4 Điều 29)
				25. Thông tư quy định về việc bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tiêu chí, nguyên tắc sử dụng tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện (khoản 2 Điều 7; khoản 3 Điều 25; khoản 2 Điều 27)
				26. Thông tư quy định mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện (điểm a khoản 2 Điều 23)
				27. Thông tư quy định về đánh giá hoạt động thư viện (khoản 5 Điều 37)
6.	**Luật Lực lượng dự bị**	**01/7/2020**	**BQP**	**28.** Nghị định quy định danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị (khoản 4 Điều 13).

	động viên **(Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**			**29.** Nghị định quy định việc huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên, động viên cục bộ (khoản 4 Điều 26).
				30. Nghị định quy định về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam (khoản 4 Điều 12; khoản 3 Điều 21).
				31. Nghị định quy định chế độ, chính sách đối với xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên (khoản 3 Điều 29; khoản 6 Điều 30; Điều 31).
				32. Nghị định quy định về cơ sở huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh (khoản 7 Điều 22).
				33. Thông tư quy định thẩm quyền lập kế hoạch huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên của đơn vị Quân đội nhân dân; thông báo quyết định, lệnh huy động, tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên (khoản 4 Điều 8; khoản 4 Điều 27; khoản 4 Điều 28)
				34. Thông tư quy định hình thức, nội dung, thời gian sinh hoạt của quân nhân dự bị (khoản 3 Điều 23)
7.	**Luật Dân quân tự vệ (sửa đổi)** **(Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**	**01/7/2020**	**BQP**	**35.** Nghị định quy định về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ (điểm c khoản 2 Điều 9; khoản 5 Điều 20; khoản 5 Điều 21; Điều 24; khoản 6 Điều 33; khoản 4, Điều 34; khoản 3 Điều 35)
				36. Nghị định quy định về hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ (khoản 2 Điều 31)
				37. Thông tư quy định về tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (khoản 5 Điều 10; khoản 5 Điều 15; khoản 2 Điều 16; khoản 3 Điều 22; khoản 3 Điều 23; điểm b khoản 2 Điều 49)
				38. Thông tư quy định và hướng dẫn về trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật của dân quân tự vệ (khoản 2 Điều 25).
				39. Thông tư quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với dân quân tự vệ (khoản 3 Điều 48).
				40. Thông tư quy định về huấn luyện dân quân tự vệ (khoản 2 Điều 27; khoản 3 Điều 28).
				41. Thông tư quy định chế độ hoạt động và kế hoạch về dân quân tự vệ (khoản 5 Điều 29).
				42. Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân tự vệ (khoản 4 Điều 46).

8.	**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**	**01/7/2020**	**BNV**	**43.** Nghị định quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (khoản 29 Điều 2)
9.	**Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**	**01/7/2020**	**BCA**	**44.** Nghị định quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành (Điều 19; khoản 3 Điều 20)
				45. Nghị định quy định về kiểm soát nhập cảnh đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh để ra, vào lãnh thổ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh (khoản 3 Điều 35)
				46. Nghị định quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng cổng kiểm soát tự động (khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 43; khoản 1 Điều 44 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 46 của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam)
				47. Thông tư quy định việc thực hiện tạm hoãn xuất cảnh; gia hạn, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh (khoản 1 Điều 45)
				48. Thông tư quy định quy trình thu nhận vân tay của người đề nghị cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông có gắn chip điện tử (khoản 2 Điều 45)
				49. Thông tư quy định về mẫu giấy tờ xuất nhập cảnh và các giấy tờ khác có liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (khoản 3 Điều 45)
				50. Thông tư quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam tại các cửa khẩu (khoản 8 Điều 45)

10.	**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam** **(Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**	**01/7/2020**	**BCA**	**51.** Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (khoản 10 Điều 1; khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam bổ sung khoản 3 Điều 46 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam)
11.	**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức** **(Thông qua kỳ họp thứ 8 QH14)**	**01/7/2020**	**BNV**	**52.** Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức (khoản 5, 6, 9, 10, 18 Điều 1)
			BNV	**53.** Nghị định thay thế Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 1 Điều 2)
			BTC	**54.** Nghị định quy định về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (khoản 1 Điều 2)
			BNV	**55.** Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức (khoản 2 Điều 2)
			BNV	**56.** Nghị định quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (Khoản 15 Điều 1; khoản 11 Điều 2)
			BNV	**57.** Nghị định quy định về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (Khoản 11 Điều 1; Khoản 5 Điều 2)
			BNV	**58.** Nghị định quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Khoản 18 Điều 1)